

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 319/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, Quy hoạch vùng Tây Nguyên; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy hoạch ngành, lĩnh vực.
- Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của địa phương, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các địa phương trong vùng và cả nước; tập trung nghiên cứu để thực hiện đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển hợp lý cả chiều rộng và chiều sâu; huy động, sử dụng tốt mọi

nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái.

3. Từng bước điều chỉnh tạo sự phát triển hài hòa, hợp lý giữa các vùng trong Tỉnh, thu hẹp dần về khoảng cách và mức sống giữa các tầng lớp dân cư; chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân, ổn định xã hội, tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, duy trì quan hệ hữu nghị với các tỉnh láng giềng khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững; tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Phấn đấu xây dựng Gia Lai sớm trở thành trung tâm khu vực Bắc Tây Nguyên và vùng động lực trong Tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về phát triển kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm thời kỳ 2011 - 2020 đạt 12,4%, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 đạt 12,8% giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,0%. GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) năm 2015 đạt 34,2 triệu đồng/người và năm 2020 đạt 72,2 triệu đồng/người;
- Tỷ trọng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế vào năm 2015 là 33,0%, 36,7%, 30,3% và đến năm 2020 là 28%, 38% và 34%;
- Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đến năm 2015 đạt khoảng 250 triệu USD và đến năm 2020 khoảng 580 triệu USD;

- Tỷ lệ thu ngân sách chiếm khoảng 10% từ GDP vào năm 2015 và khoảng 7,2% vào năm 2020.

b) Về phát triển xã hội:

- Đến năm 2015 quy mô dân số khoảng 1,417 triệu người và vào năm 2020 khoảng 1,532 triệu người; tỷ lệ dân số nông thôn chiếm khoảng 65% vào năm 2015 và giảm xuống còn 60% vào năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn hiện nay) bình quân mỗi năm giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 3 - 4%, đến năm 2020 cơ bản không còn hộ nghèo;

- Phần đầu đến năm 2020 khoảng 70% trường học các cấp từ mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia, có 90% làng được công nhận là làng văn hóa;

- Đến năm 2015 có 60% xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, có 6,5 bác sĩ/1 vạn dân; đến năm 2020 tỷ lệ tương ứng là 100% và 8 bác sĩ/1 vạn dân, 100% số xã có bác sĩ.

- Giải quyết việc làm hàng năm đạt khoảng 2,3 vạn lao động giai đoạn 2011 - 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 2,5 vạn lao động; phần đầu đến năm 2015, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 40%, trong đó đào tạo nghề đạt chiếm 71,5%; tương ứng đến năm 2020 đạt 50% và 73,9%;

- Bảo đảm 100% dân cư sử dụng nước sạch vào năm 2020.

c) Về bảo vệ môi trường:

- Phần đầu đến năm 2015 nâng và duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 53,1%, đến năm 2020 đạt 60%; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đến năm 2020 thu gom và xử lý trên 95% chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, trên 80% chất thải nguy hại và 100% chất thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Về nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Phát triển vùng sản xuất hàng hóa lớn, tập trung để đẩy mạnh việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và phương pháp canh tác có tỷ lệ cơ giới hóa cao từ khâu làm

đất đến thu hoạch nhằm tạo ra sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong và ngoài nước. Phần đầu giá trị tăng thêm bình quân hàng năm khoảng 5,6% thời kỳ 2011 - 2020, trong đó giai đoạn 2011 - 2015 là 6,2%, giai đoạn 2016 - 2020 là 5%.

a) Về trồng trọt:

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên (đất đai, khí hậu, hệ sinh thái,..) của từng vùng và nhu cầu thị trường; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; chú trọng phát triển một số cây trồng có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, cây ăn quả; bảo đảm an ninh lương thực;

- Ổn định diện tích sản xuất nông nghiệp đến năm 2020: Cây cao su khoảng 130 nghìn ha, cà phê khoảng 80 nghìn ha, điều khoảng 27 nghìn ha, hồ tiêu và chè trên 8 nghìn ha, mía khoảng 25 nghìn ha; lúa khoảng 80 nghìn ha, ngô và sắn khoảng 110 nghìn ha;

b) Về chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo mô hình chăn nuôi trang trại và hộ gia đình gắn với kiểm soát phòng tránh, an toàn dịch bệnh. Phần đầu đến năm 2020 đàn trâu bò khoảng 0,52 triệu con, đàn lợn khoảng 0,55 triệu con, đàn gia cầm khoảng 2,2 triệu con.

c) Về lâm nghiệp:

Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa nghề rừng; quy hoạch cơ cấu 3 loại rừng phù hợp với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng; hoàn thiện công tác giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp cho cộng đồng để người dân được hưởng lợi từ rừng.

d) Về phát triển nông thôn:

Từng bước xây dựng nông thôn mới phù hợp với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới; bảo đảm cho người dân nông thôn tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng. Phát triển các loại hình kinh tế nông thôn theo mô hình mới phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay ở nước ta. Phần đầu đến năm 2015 có trên 24% và năm 2020 có khoảng 54% số đã đạt tiêu chí chuẩn nông thôn mới.

2. Công nghiệp, xây dựng

Phát triển công nghiệp để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phần đầu giai đoạn 2011 - 2015 tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,6% và 15,8% giai đoạn 2016 - 2020. Mục tiêu đến năm 2020 ngành công nghiệp đóng góp 26,6% GDP, giải quyết việc làm cho 19% lao động xã hội. Trong đó:

- Tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ; chú trọng phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp phù trợ; phát triển kỹ thuật công nghệ mới để áp dụng vào sản xuất công nghiệp; tăng tỷ trọng công nghiệp chế biến sâu để nâng cao hiệu quả kinh tế; xây dựng các nhóm sản phẩm hàng hóa chủ lực;
- Đầu tư, nâng cấp và phát triển các cơ sở công nghiệp hiện có để nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp gắn với nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu;
- Ưu tiên phát triển công nghiệp thu hút nhiều lao động như chế biến nông lâm sản, sản xuất các mặt hàng truyền thống như hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ du lịch, hàng mây tre đan, dệt thổ cẩm,...

Chú trọng nâng cao năng lực xây dựng, tăng dần quy mô, chất lượng; tập trung vào các công trình trọng điểm trên địa bàn; tiếp tục chỉnh trang đô thị theo hướng văn minh, hiện đại phù hợp với yêu cầu trong từng giai đoạn phát triển. Phần đầu tốc độ tăng trưởng ngành xây dựng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14,6%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 14,2%.

3. Dịch vụ

Phát triển các ngành dịch vụ có đóng góp cao cho nền kinh tế như thương mại, du lịch, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông. Phần đầu tốc độ tăng bình quân năm giai đoạn 2011 - 2015 đạt 14,9%, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,4%. Trong đó:

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và nâng cao chất lượng các hoạt động dịch vụ. Tăng nhanh lưu thông hàng hóa nhất là mạng lưới tiêu thụ hàng hóa từ thành phố, thị xã đến các vùng sâu vùng xa và vùng đặc biệt khó khăn; mở rộng thị trường nông thôn, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các địa phương;